TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày 03-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Luân Văn Tuân;

Bà Nông Thị Yêu.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mã Thị Kim Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Ngụy Văn T; tên gọi khác: Toòng; sinh ngày 15 tháng 02 năm 1977 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngụy Văn S (đã chết) và bà Lý Thị N (đã chết); vợ: Đàm Thị M (sinh năm 1969); con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 23/HS-ST ngày 19/8/1997 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; tại Bản án số 56/2008/HSST ngày 28/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Cướp tài sản; tại Bản án số 04/2014/HSTT ngày 24/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giam từ ngày 15/5/2023 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa: Bà Dương Thị Quỳnh H – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị hại:* Ủy ban nhân dân thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T; sinh năm: 1955; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đàm Thị M; sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 30/4/2023, Ngụy Văn T đi bộ một mình từ nhà đến nhà văn hóa thôn P, xã T, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi, thấy cửa nhà văn hóa thôn khóa, Ngụy Văn T dùng tay kéo mạnh, giật cánh cửa làm bung ổ khóa rồi đi vào phía trong lấy 01 chiếc loa kéo nhãn hiệu DBA P đem cất giấu tại bụi cỏ trong vườn cạnh nhà Ngụy Văn T để tìm nơi tiêu thụ.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất, ngày 13/5/2023, ông Lê Văn T đã báo Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi tiến hành rà soát, xác minh Cơ quan điều tra đã bắt tạm giam Ngụy Văn T và thu giữ chiếc loa kéo nói trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản – UBND huyện Văn Lãng xác định giá trị của chiếc loa kéo trong thời điểm tháng 5/2023 là 2.033.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử, người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày đã nhận lại chiếc loa kéo, không có đề nghị, yêu cầu gì thêm. Người làm chứng bà Đàm Thị M là vợ của bị cáo khai, bà không biết việc bị cáo đi lấy trộm chiếc loa kéo và cất giấu ở bụi cỏ trong vườn cạnh nhà.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 12/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Ngụy Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngụy Văn T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù do bị cáo thành khẩn khai báo. Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo thuộc hộ cận nghèo, nghề nghiệp làm ruộng, không có tài sản có giá trị. Về vật chứng: Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc loa kéo cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngụy Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo không được đi học, không biết chữ, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc hộ cận nghèo; đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị; đề nghị xin miễn án phí hình sự sơ thẩm do bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát không đồng ý áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của người bào chữa do bị cáo phạm tội lần này là lần thứ tư.

Lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bị hại đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 30/4/2023, tại nhà văn hóa thôn P, xã T, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Ngụy Văn T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp một chiếc loa kéo nhãn hiệu DBA P trị giá 2.033.000 đồng của nhà văn hóa thôn P.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở về quản lý tài sản của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ngụy Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo tuy có trình độ học vấn thấp, không biết chữ, gia đình thuộc hộ cận nghèo, phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lần phạm tội này là lần thứ tư bị kết án và là lần thứ hai phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo buộc phải biết hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Vì vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo như đề nghị của người bào chữa.

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, đã bị kết án 03 lần: Ngày 19/8/1997 bị xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; ngày 28/10/2008 bị xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm về tội Cướp tài sản; ngày 24/02/2014 bị xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; đã xóa án tích. Mặc dù đánh giá bị cáo không có tiền án nhưng đã từng phạm tội nhiều lần, có nhân thân không tốt.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm ruộng, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại một chiếc loa kéo nhãn hiệu DBA P cho người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn T là phù hợp với quy định. Ông Lê Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Do bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét đề nghị miễn án phí của người bào chữa là phù hợp nên được chấp nhận.

[15] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14, 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh

Tuyên bố bị cáo Ngụy Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Ngụy Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 15/5/2023).

3. Về án phí

Bị cáo Ngụy Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện V;
- CQĐT Công an huyện V;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu:Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng